**SẢN PHẨM THAM GIA NHÓM NGỮ VĂN CTST 10**

**1. Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  (Số câu) | | **Thông hiểu**  (Số câu) | | **Vận dụng**  (Số câu) | | **Vận dụng cao**  (Số câu) | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc** | 1. Sử thi | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 60 |
| 2. Thơ trữ tình. |
| **2** | **Viết** | 1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1 | 40 |
| 2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/ một đoạn trích văn học. |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tổng % điểm** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**2. Bản đặc tả minh họa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **1. Đọc hiểu** | 1. Sử thi | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 4 câu TN | 3 câu TN  01 câu TL | 1 câu Tl | 1 câu TL |
| 2. Thơ trữ tình. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ  - Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra.  - Vận dụng những hiểu biết về tác giả để đánh giá ý nghĩa, giá trị của thơ .  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |
| **3** | **Viết** | 1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câuTL |
| 2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/ một đoạn trích văn học. | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |

**3. Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**TƯƠNG TƯ**

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,  
Một người chín nhớ mười mong một người.  
Gió mưa là bệnh của giời,  
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.  
Hai thôn chung lại một làng,  
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?  
Ngày qua ngày lại qua ngày,  
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.  
Bảo rằng cách trở đò giang,  
Không sang là chẳng đường sang đã đành.  
Nhưng đây cách một đầu đình,  
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi...  
  
Tương tư thức mấy đêm rồi,  
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho!  
Bao giờ bến mới gặp đò?  
Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?  
  
Nhà em có một giàn giầu,  
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.  
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,  
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?*

(*Tương tư,* Nguyễn Bính)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

1. Bài thơ “Tương tư” được viết theo thể thơ nào?

A. Lục bát.

B. Song thất lục bát.

C. Tự do

D. Thất ngôn bát cú

2. Xác định biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*

*Một người chín nhớ mười mong một người.*

A. So sánh

B. Ẩn dụ

C. Hoán dụ

D. Nhân hóa

3. Hai câu nào trong bài thơ cho thấy tình cảm của chàng trai chưa được đền đáp?

A. *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông, / Một người chín nhớ mười mong một người.*

B. *Hai thôn chung lại một làng, / Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?*

C. *Bảo rằng cách trở đò giang, / Không sang là chẳng đường sang đã đành.*

D. *Bao giờ bến mới gặp đò, / Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau.*

4. Cặp đôi nào dưới đây không có trong bài thơ Tương tư của Nguyễn Bính?

A. Bên ấy - bên này

B. Trong bến - ngoài làng

C. Giàn giầu - hàng cau

D. Một người - một người

5. Nguyễn Bính được coi là nhà thơ của:

A. cảnh quê.

B. đời quê.

C. hồn quê.

D. nếp quê.

6. Cách ngắt nhịp đạt hiệu quả cao nhất trong câu thơ đầu là:

*Ngày qua ngày lại qua ngày,  
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.*

1. 2/2/2

B. 2/4

C. 4/2

D. 3/3

7. Cảm xúc chính của hai câu thơ sau là gì?

*Ngày qua ngày lại qua ngày,  
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.*

A. Nhớ nhung, đợi chờ.

B. Nhớ nhung, hờn trách.

C. Nhớ nhung, than thở.

D. Nhớ nhung, tiếc nuối

**Trả lời các câu hỏi**:

8. Phân tích hiệu quả sử dụng biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*

*Một người chín nhớ mười mong một người.*

9. Nhận xét tâm trạng của chàng trai qua hai câu thơ cuối:

*Gió mưa là bệnh của giời,  
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.  
Hai thôn chung lại một làng,  
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?*

10. Từ nội dung bài thơ trên, anh (chị) hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) trình bày suy nghĩ của mình về tình yêu tuổi học đường?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn phân tích nội dung và nghệ thuật của bốn câu thơ cuối trong bài thơ *Tương tư* của nhà thơ Nguyễn Bính.

**4. Đáp án:**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | A | 0.5 |
| **2** | C | 0.5 |
| **3** | B | 0.5 |
| **4** | B | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | D | 0.5 |
| **7** | A | 0.5 |
| **8** | - Giúp câu thơ sinh động, giàu hình ảnh, gợi hình, gợi cảm  - Cảm nhận rõ hơn nỗi nhớ của nhân vật trữ tình kín đáo, ý nhị mà da diết, mãnh liệt  ***Hướng dẫn chấm:***  *+ Học sinh nêu được cả 2 ý trên: 0,5 điểm*  *+ Học sinh nêu được 1 trong 2 ý: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| **9** | - Nhận xét tâm trạng của chàng trai:  + Sự trách móc, hờn dỗi của chàng trai.  + Nhận xét tâm trạng của chàng trai: chàng trai khao khát hạnh phúc, mong đón nhận được tình cảm của cô gái.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+ Học sinh nêu được cả 2 ý trên: 1,0 điểm*  *+ Học sinh nêu được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm.* | 1.0 |
| **10** | - Suy nghĩ về tình yêu tuổi học trò:  + Tích cực: là tình cảm đẹp, trong sáng; giải tỏa những mệt mỏi trong học tập, cùng nhau hỗ trợ vươn lên,…  + Tiêu cực: lứa tuổi học trò chưa đủ chín chắn và trưởng thành để xác định một mối quan hệ bền vững; nếu chỉ tập trung vào tình yêu thì dễ đi sai đường, lạc lối,…  ***Hướng dẫn chấm:***  *+ Học sinh nêu được cả 2 ý trên: 1,0 điểm*  *+ Học sinh nêu được 1 trong 2 ý: 1,0 điểm.*  + *Học sinh chỉ nêu chung chung hoặc chạm đến phần nào nội dung của 1 trong 2 ý trên: 0,5 điểm.* | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Nội dung và nghệ thuật của bốn câu thơ cuối bài thơ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+ Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *+ Xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.0 |
|  | - Giới thiệu bài thơ, đoạn thơ (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,…). Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.  - Phân tích nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ:  + Về nội dung: bốn câu thơ thể hiện nỗi nhớ và khát vọng lứa đôi thầm kín của chàng trai đối với cô gái.  + Về nghệ thuật: đoạn thơ thể hiện những nét đặc trưng trong phong cách thơ của Nguyễn Bính: thể thơ lục bát; hình ảnh thơ thấm đẫm hương vị làng quê, ngôn từ giản dị, mộc mạc; giọng thơ ngọt ngào, êm dịu như những khúc hát dân ca,…  - Khẳng định giá trị của bốn câu thơ  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm*  *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 1,0 điểm.*  *- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 0,75 điểm* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.  ***Hướng dẫn chấm***  *+ Đáp ứng được 3 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *+ Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |